

Số: 151/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn**  
**giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách cấp tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**  
**KHÓA XIV – KỲ HỌP THỨ 14**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2019;*

*Xét Tờ trình số 1691/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 80/BC-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách cấp tỉnh, với những nội dung chủ yếu sau đây:

**1. Về nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung:**

Tuân thủ theo đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021. Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn; bổ sung danh mục và kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các dự án theo chủ trương, kết luận của Tỉnh ủy, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các dự án đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 cần điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn để phù hợp với yêu cầu thực tiễn triển khai.

**2. Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách cấp tỉnh:**

a) Điều chỉnh giảm nguồn vốn 1.463.287 triệu đồng nguồn tăng thu, kết dư ngân sách cấp tỉnh năm 2021 bổ sung vào trung hạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Bổ sung nguồn vốn 245.000 triệu đồng từ nguồn tài trợ nộp ngân sách cấp tỉnh của Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam cho dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Phổi tỉnh Quảng Ninh.

c) Tổng nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Quảng Ninh sau điều chỉnh bổ sung là 93.660.376 triệu đồng.

Ngân sách cấp tỉnh sau điều chỉnh: 62.376.376 triệu đồng. Trong đó, dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn 6.000.000 triệu đồng.

*(Chi tiết theo Phụ biểu 01)*

3. Phương án điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công ngân sách cấp tỉnh:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách cấp tỉnh: 522.000 triệu đồng của 05 dự án, gồm:

- 04 dự án trường học: 313.000 triệu đồng theo Kết luận số 34/KL-TTtr ngày 02/6/2023 của Thanh tra tỉnh về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong công tác chuẩn bị đầu tư thực hiện dự án trường học trên địa bàn tỉnh.

- Dự án đường dẫn và cầu ra cảng tổng hợp Hòn Nét - Con Ong: 209.000 triệu đồng do lùi thời gian thực hiện dự án trọng điểm nêu trên sang giai đoạn phù hợp.

b) Phân bổ kế hoạch đầu tư công ngân sách cấp tỉnh

Tổng nguồn phân bổ: 8.910.614 triệu đồng, gồm: 8.388.614 triệu đồng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh còn lại chưa phân bổ tại điểm c, khoản 2 và 522.000 triệu đồng từ nguồn điều chỉnh giảm tại điểm a khoản 3 nêu trên; phương án phân bổ chi tiết như sau:

- Điều chỉnh tăng vốn cho 08 dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 1.092.440 triệu đồng.

- Bổ sung danh mục và kế hoạch đầu tư công trung hạn cho 26 dự án khởi công mới đã được phê duyệt chủ trương đầu tư 7.818.174 triệu đồng, gồm: 05 dự án thuộc nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh: 6.262.000 triệu đồng; hỗ trợ 21 dự án của các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và địa phương đầu tư các dự án thuộc nhiệm vụ chi ngân sách huyện: 1.556.174 triệu đồng.

*(Chi tiết theo Phụ biểu 02)*

4. Dự nguồn cho các chương trình dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025 trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách cấp tỉnh còn lại: 5.210.908 triệu đồng và dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn: 6.000.000 triệu đồng.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu và các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh; chỉ đạo rà soát để kịp thời đưa ra khỏi danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư công những dự án không khả thi, không đủ điều kiện sử dụng vốn.

Khẩn trương hoàn tất thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới, rà soát các chương trình, dự án đang triển khai có nhu cầu bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn để phân bổ chi tiết hết nguồn vốn còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn trong năm 2023, đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 89



Luật Đầu tư công năm 2019 đối với chương trình, dự án có thời gian thực hiện 2 kỳ kế hoạch đầu tư công liên tiếp.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý sử dụng vốn đầu tư công, bảo đảm hiệu quả tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư, bảo đảm công khai, minh bạch, không để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu các sở, ban, ngành, chính quyền các địa phương và các chủ đầu tư trong triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; trong chỉ đạo, điều hành giải phóng mặt bằng đảm bảo đúng tiến độ để đẩy nhanh tiến độ giải ngân và thực hiện các chương trình, dự án.

Kiểm soát chặt chẽ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các địa phương giai đoạn 2021 - 2025, đảm bảo sử dụng nguồn lực đúng mục đích, thủ tục theo Luật Đầu tư công và tiến độ hoàn thành dự án. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các địa phương được hỗ trợ vốn chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

3. Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021, Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 125/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

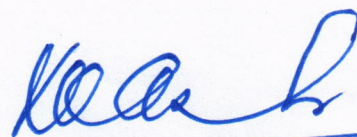
4. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội; Chính phủ (báo cáo);
- Ban CTĐB của UBND Quốc hội;
- Các bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Kiểm toán nhà nước;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, NS3.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Kỳ**

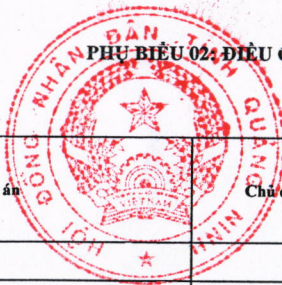


**PHỤ BIỂU 01: TỔNG NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG  
GIẢI ĐOẠN 2021-2025 CỦA TỈNH QUẢNG NINH**  
(Kèm theo Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

| Stt        | Nội dung                                | Tổng nguồn vốn còn lại (theo Nghị quyết số 125/NQ-HĐND ngày 04/11/2022) | Nguồn vốn điều chỉnh giảm đợt này | Nguồn vốn điều chỉnh tăng đợt này | Tổng nguồn vốn sau điều chỉnh | Ghi chú |
|------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|---------|
|            | <b>Tổng cộng</b>                        | <b>94.878.663</b>                                                       | <b>1.463.287</b>                  | <b>245.000</b>                    | <b>93.660.376</b>             |         |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn vốn ngân sách trung ương</b>   | <b>4.105.000</b>                                                        |                                   |                                   | <b>4.105.000</b>              |         |
| <b>II</b>  | <b>Vốn cân đối ngân sách địa phương</b> | <b>89.922.663</b>                                                       |                                   |                                   | <b>88.704.376</b>             |         |
| <b>1</b>   | <b>Vốn ngân sách cấp tỉnh</b>           | <b>63.594.663</b>                                                       |                                   |                                   | <b>62.376.376</b>             |         |
|            | <i>Trong đó:</i>                        |                                                                         |                                   |                                   |                               |         |
| -          | Nguồn tăng thu kết dư năm 2021          | 1.463.287                                                               | 1.463.287                         |                                   | 0                             |         |
| -          | Nguồn tài trợ của TKV                   |                                                                         |                                   | 245.000                           | 245.000                       |         |
| -          | Dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn | 6.000.000                                                               |                                   |                                   | 6.000.000                     |         |
| <b>2</b>   | <b>Vốn ngân sách cấp huyện</b>          | <b>26.328.000</b>                                                       |                                   |                                   | <b>26.328.000</b>             |         |
| <b>III</b> | <b>Vốn vay lại từ Chính phủ</b>         | <b>851.000</b>                                                          |                                   |                                   | <b>851.000</b>                |         |





**PHỤ BIỂU 02: ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VÀ PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT       | Đanh mục dự án                                                                                                                                                    | Chủ đầu tư                      | Quyết định phê duyệt CTĐT/ Phê duyệt dự án                                                                                          | Tổng mức đầu tư |            |          | KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Điều chỉnh |           | KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh bổ sung | Ghi chú |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------|----------|----------------------------------|------------|-----------|---------------------------------------------------------|---------|
|          |                                                                                                                                                                   |                                 |                                                                                                                                     | Tổng cộng       | NS tỉnh    | NS huyện |                                  | Giảm       | Tăng      |                                                         |         |
|          | <b>TỔNG SỐ</b>                                                                                                                                                    |                                 |                                                                                                                                     |                 |            |          |                                  | 8.910.614  | 8.812.614 |                                                         |         |
| <b>A</b> | <b>TỔNG NGUỒN</b>                                                                                                                                                 |                                 |                                                                                                                                     |                 |            |          | 19.599.522                       | 8.388.614  |           | 11.210.908                                              |         |
| 1        | Dự nguồn cho các chương trình dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025                                                                                             |                                 |                                                                                                                                     |                 |            |          | 13.599.522                       | 8.388.614  |           | 5.210.908                                               |         |
| 2        | Dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn                                                                                                                           |                                 |                                                                                                                                     |                 |            |          | 6.000.000                        |            |           | 6.000.000                                               |         |
| <b>B</b> | <b>ĐIỀU CHỈNH GIẢM (05 dự án)</b>                                                                                                                                 |                                 |                                                                                                                                     | 607.990         | 522.590    | 85.400   | 522.000                          | 522.000    |           |                                                         |         |
| 1        | Bổ sung cơ sở vật chất và trang thiết bị cho trường Tiểu học thị trấn Đầm Hà                                                                                      | UBND huyện Đầm Hà               | Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 12/10/2022; QĐ DA số 5203/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 (H)                                                 | 25.000          | 23.000     | 2.000    | 23.000                           | 23.000     |           |                                                         |         |
| 2        | Trường THCS Lục Hồn, xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh                                                                                                 | UBND huyện Bình Liêu            | Nghị quyết số 174/NQ-HĐND ngày 31/10/2022; QĐ DA số 229/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 (H)                                                 | 92.000          | 80.000     | 12.000   | 80.000                           | 80.000     |           |                                                         |         |
| 3        | Trường Tiểu học thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ (hạng mục: Xây mới nhà đa năng + Sân bê tông)                                                                       | UBND huyện Ba Chẽ               | Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 25/10/2022; QĐ số 4403/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 (H)                                                    | 11.400          | 10.000     | 1.400    | 10.000                           | 10.000     |           |                                                         |         |
| 4        | Đầu tư xây dựng Trường Trung học cơ sở Hạ Long, huyện Vân Đồn                                                                                                     | UBND huyện Vân Đồn              | NQ số 100/NQ-UBND ngày 13/10/2022 (H); QĐ số 5891 ngày 11/11/2022                                                                   | 270.000         | 200.000    | 70.000   | 200.000                          | 200.000    |           |                                                         |         |
| 5        | Đường dẫn và cầu ra cảng tổng hợp Hòn Nét - Con Ong                                                                                                               | Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông     | NQ số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh                                                                                      | 209.590         | 209.590    |          | 209.000                          | 209.000    |           |                                                         |         |
| <b>C</b> | <b>ĐIỀU CHỈNH TĂNG VÀ PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TỪ NGUỒN CÒN LẠI TẠI MỤC A.1 VÀ NGUỒN ĐIỀU CHỈNH GIẢM B</b>                                                    |                                 |                                                                                                                                     | 12.521.908      | 11.700.391 |          | 2.671.313                        |            | 8.910.614 | 11.581.927                                              |         |
| <b>I</b> | <b>ĐIỀU CHỈNH TĂNG VỐN CHO CÁC DỰ ÁN ĐÃ CÓ TRONG TRUNG HẠN (08 dự án)</b>                                                                                         |                                 |                                                                                                                                     | 3.885.517       | 3.882.217  | 0        | 2.671.313                        |            | 1.092.440 | 3.763.753                                               |         |
| 1        | Dự án Đường trục chính trung tâm khu đô thị Cái Rồng - Giai đoạn 2, Khu kinh tế Vân Đồn                                                                           | Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông     | NQ265/NQ-HĐND ngày 09/07/2020; QĐ 4389/QĐ-UBND ngày 24/11/2020; 2930/QĐ-UBND ngày 30/8/2021; QĐ số 2697/QĐ-UBND ngày 21/9/2022      | 594.388         | 594.388    |          | 527.000                          |            | 35.000    | 562.000                                                 |         |
| 2        | Đường nối QL4B với QL18C tại huyện Tiên Yên                                                                                                                       | Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông     | QĐ 82/QĐ-HĐND ngày 27/10/2017; QĐ 4398/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 2718/QĐ-UBND ngày 02/7/2019; 7334/QĐ-STC ngày 27/12/2022 (QT)       | 100.000         | 100.000    |          | 25.000                           |            | 648       | 25.648                                                  |         |
| 3        | Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Phổi tỉnh Quảng Ninh                                                                                                  | Ban QLDA ĐTXD CT Dân dụng và CN | NQ 87 ngày 31/03/2022; NQ 144/NQ-HĐND ngày 30/3/2023; QĐ số 1901/QĐ-UBND ngày 04/7/2022; 1119/QĐ-UBND ngày 04/5/2023                | 631.000         | 631.000    |          | 301.713                          |            | 329.287   | 631.000                                                 |         |
| 4        | Xây dựng đường dẫn cầu bến Rừng trên địa phận tỉnh Quảng Ninh                                                                                                     | Ban QLDA ĐTXD CT Dân dụng và CN | NQ số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021; NQ 101/NQ-HĐND ngày 09/7/2022; NQ số 144/NQ-HĐND ngày 30/3/2023; QĐ 3158/QĐ-UBND ngày 28/10/2022; | 355.685         | 355.685    |          | 258.000                          |            | 97.685    | 355.685                                                 |         |
| 5        | Đầu tư xây dựng đường ven sông kết nối từ Đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều (đoạn từ nút giao Đầm Nhà Mạc đến đường tỉnh 338) - Giai đoạn 1 | Ban QLDA ĐTXD CT Dân dụng và CN | NQ 209/NQ-HĐND ngày 26/10/2019; NQ 83/NQ-HĐND ngày 31/3/2022; QĐ 4645/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; QĐ số 2266/QĐ-UBND ngày 08/8/2022;   | 2.117.591       | 2.117.591  |          | 1.482.000                        |            | 625.405   | 2.107.405                                               |         |



| TT        | Danh mục dự án                                                                                                                                                                       | Chủ đầu tư                           | Quyết định phê duyệt CTĐT/ Phê duyệt dự án                                                                                                      | Tổng mức đầu tư  |                  |                | KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Điều chỉnh |                  | KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh bổ sung | Ghi chú |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------------|----------------------------------|------------|------------------|---------------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                                                                                                                                      |                                      |                                                                                                                                                 | Tổng cộng        | NS tỉnh          | NS huyện       |                                  | Giảm       | Tăng             |                                                         |         |
| 6         | Hỗ trợ Công an tỉnh đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Đồn cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Tiên Yên                                                               | Công an tỉnh Quảng Ninh              | 4510/QĐ-UBND ngày 25/10/2019; 4510/QĐ-UBND ngày 7/12/2020; 4271/QĐ-UBND ngày 01/12/2021                                                         | 15.000           | 15.000           |                | 10.600                           |            | 3.747            | 14.347                                                  |         |
| 7         | Cải tạo, mở rộng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh                                                                                                                       | Viện kiểm sát nhân dân tỉnh          | QĐ số 76/QĐ-VKS ngày 31/12/2020                                                                                                                 | 33.000           | 29.700           |                | 29.000                           |            | 347,1            | 29.347,086                                              |         |
| 8         | Cải tạo, nâng cấp Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh                                                                                                                            | Viện kiểm sát nhân dân tỉnh          | NQ 305/NQ-HĐND ngày 09/12/2019; QĐ số 341/QĐ-UBND ngày 04/2/2021                                                                                | 38.853           | 38.853           |                | 38.000                           |            | 321              | 38.320,995                                              |         |
| <b>II</b> | <b>CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2023-2025 (26 dự án)</b>                                                                                                                |                                      |                                                                                                                                                 | <b>8.636.391</b> | <b>7.818.174</b> | <b>818.217</b> | <b>0</b>                         | <b>0</b>   | <b>7.818.174</b> | <b>7.818.174</b>                                        |         |
| <i>a</i>  | <i>Các dự án thuộc nhiệm vụ chỉ ngân sách tỉnh (05 dự án)</i>                                                                                                                        |                                      |                                                                                                                                                 | <i>6.262.000</i> | <i>6.262.000</i> | <i>0</i>       | <i>0</i>                         | <i>0</i>   | <i>6.262.000</i> | <i>6.262.000</i>                                        |         |
|           | <i>Lĩnh vực Giao thông (05 dự án)</i>                                                                                                                                                |                                      |                                                                                                                                                 | <i>6.262.000</i> | <i>6.262.000</i> | <i>0</i>       | <i>0</i>                         | <i>0</i>   | <i>6.262.000</i> | <i>6.262.000</i>                                        |         |
| 1         | Dự án Cải tạo nâng cấp Đường tỉnh 333, tỉnh Quảng Ninh                                                                                                                               | Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông          | Nghị quyết số 143/NQ-HĐND ngày 30/3/2023                                                                                                        | 90.000           | 90.000           |                |                                  |            | 90.000           | 90.000                                                  |         |
| 2         | Dự án Cải tạo nâng cấp đường 342 đoạn thuộc địa phận Hạ Long                                                                                                                         | Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT | Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 12/7/2023                                                                                                           | 3.695.000        | 3.695.000        |                |                                  |            | 3.695.000        | 3.695.000                                               |         |
| 3         | Dự án Tuyến đường nối từ Quốc lộ 279 (xã Tân Dân, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh) đến đường tỉnh 291 (thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang)                             | Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT | Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 12/7/2023                                                                                                           | 1.455.000        | 1.455.000        |                |                                  |            | 1.455.000        | 1.455.000                                               |         |
| 4         | Cải tạo nâng cấp đường tỉnh 345                                                                                                                                                      |                                      | Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 12/7/2023                                                                                                           | 356.000          | 356.000          |                |                                  |            | 356.000          | 356.000                                                 |         |
| 5         | Đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 327, đoạn từ nút giao công tỉnh đến đường trục chính trung tâm thị xã Đông Triều                                                             |                                      | Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 12/7/2023                                                                                                           | 666.000          | 666.000          |                |                                  |            | 666.000          | 666.000                                                 |         |
| <i>b</i>  | <i>Ngân sách tỉnh hỗ trợ các cơ quan Trung ương đồng trên địa bàn tỉnh; bổ sung có mục tiêu hỗ trợ các địa phương đầu tư các dự án thuộc nhiệm vụ chỉ ngân sách huyện (21 dự án)</i> |                                      |                                                                                                                                                 | <i>2.374.391</i> | <i>1.556.174</i> | <i>818.217</i> | <i>0</i>                         | <i>0</i>   | <i>1.556.174</i> | <i>1.556.174</i>                                        |         |
| 1         | Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Ninh (Giai đoạn 2)                                                                                         | Công an tỉnh Quảng Ninh              | Quyết định phê duyệt CTĐT số 451/QĐ-UBND ngày 27/02/2023                                                                                        | 320.374          | 320.374          |                |                                  |            | 320.374          | 320.374                                                 |         |
| 2         | Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long                                                                                               | UBND thành phố Hạ Long               | Quyết định phê duyệt dự án số 634/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 (TP)                                                                                   | 818.326          | 516.000          | 302.326        |                                  |            | 516.000          | 516.000                                                 |         |
| 3         | Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường từ thôn Đông Thắng, xã Đông Ngưu đi xã Đại Dực, huyện Tiên Yên                                                                                      | UBND huyện Tiên Yên                  | Quyết định phê duyệt dự án số 4891/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 (H); Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 22/6/2023 điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (H) | 84.000           | 74.600           | 9.400          |                                  |            | 74.600           | 74.600                                                  |         |
| 4         | Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên                                                                                                                     | UBND huyện Tiên Yên                  | Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 22/6/2023 (H)                                                                                                    | 498.039          | 373.000          | 125.039        |                                  |            | 373.000          | 373.000                                                 |         |
| 5         | Tuyến đường nối đường Vũng Đục, phường Cẩm Đồng đến phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả (giai đoạn 1)                                                                                  | UBND thành phố Cẩm Phả               | Quyết định phê duyệt dự án số 347/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 (TP); QĐ số 2358/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 (TP)                                          | 479.895          | 140.000          | 339.895        |                                  |            | 140.000          | 140.000                                                 |         |
| 6         | Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Tiến, thành phố Móng Cái                                                                                                                               | UBND TP Móng Cái                     | QĐ số 10071/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 (TP)                                                                                                        | 9.345            | 8.100            | 1.245          |                                  |            | 8.100            | 8.100                                                   |         |



| TT | Danh mục dự án                                                                                                           | Chủ đầu tư         | Quyết định phê duyệt CTĐT/ Phê duyệt dự án | Tổng mức đầu tư |         |          | KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Điều chỉnh |       | KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh bổ sung | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------|-----------------|---------|----------|----------------------------------|------------|-------|---------------------------------------------------------|---------|
|    |                                                                                                                          |                    |                                            | Tổng cộng       | NS tỉnh | NS huyện |                                  | Giảm       | Tăng  |                                                         |         |
| 7  | Xây mới Trụ sở Công an xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái                                                                   | UBND TP Móng Cái   | QĐ số 10103/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 (TP)   | 11.666          | 8.400   | 3.266    |                                  |            | 8.400 | 8.400                                                   |         |
| 8  | Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái                                                                    | UBND TP Móng Cái   | QĐ số 10072/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 (TP)   | 9.071           | 7.900   | 1.171    |                                  |            | 7.900 | 7.900                                                   |         |
| 9  | Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái                                                                 | UBND TP Móng Cái   | QĐ số 10113/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 (TP)   | 11.346          | 9.800   | 1.546    |                                  |            | 9.800 | 9.800                                                   |         |
| 10 | Xây mới Trụ sở Công an xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái                                                                | UBND TP Móng Cái   | QĐ số 10114/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 (TP)   | 11.343          | 8.500   | 2.843    |                                  |            | 8.500 | 8.500                                                   |         |
| 11 | Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái                                                                  | UBND TP Móng Cái   | QĐ số 2926/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 (TP)     | 11.808          | 9.700   | 2.108    |                                  |            | 9.700 | 9.700                                                   |         |
| 12 | Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Đông, thành phố Móng Cái                                                                   | UBND TP Móng Cái   | QĐ số 2925/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 (TP)     | 11.303          | 9.300   | 2.003    |                                  |            | 9.300 | 9.300                                                   |         |
| 13 | Trụ sở làm việc công an xã Nguyễn Huệ Trụ sở làm việc công an xã Nguyễn Huệ tại thôn 9, xã Nguyễn Huệ, thị xã Đông Triều | UBND TX Đông Triều | QĐ số 316/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 (TX)     | 9.626           | 6.400   | 3.226    |                                  |            | 6.400 | 6.400                                                   |         |
| 14 | Trụ sở làm việc công an xã Bình Dương tại thôn Bình Sơn Tây, xã Bình Dương, thị xã Đông Triều                            | UBND TX Đông Triều | QĐ số 315/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 (TX)     | 11.095          | 8.300   | 2.795    |                                  |            | 8.300 | 8.300                                                   |         |
| 15 | Trụ sở làm việc công an xã Bình Khê tại thôn Trại Mới A, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều                                  | UBND TX Đông Triều | QĐ số 317/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 (TX)     | 10.019          | 7.100   | 2.919    |                                  |            | 7.100 | 7.100                                                   |         |
| 16 | Trụ sở làm việc công an xã Tân Việt tại thôn Tân Lập, xã Tân Việt, thị xã Đông Triều                                     | UBND TX Đông Triều | QĐ số 318/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 (TX)     | 10.385          | 7.400   | 2.985    |                                  |            | 7.400 | 7.400                                                   |         |
| 17 | Trụ sở làm việc công an xã Việt Dân tại thôn Khê Thượng, xã Việt Dân, thị xã Đông Triều                                  | UBND TX Đông Triều | QĐ số 320/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 (TX)     | 11.097          | 8.000   | 3.097    |                                  |            | 8.000 | 8.000                                                   |         |
| 18 | Trụ sở làm việc công an xã Hồng Thái Tây tại thôn Hoàng Mô, xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều                          | UBND TX Đông Triều | QĐ số 321/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 (TX)     | 11.594          | 8.400   | 3.194    |                                  |            | 8.400 | 8.400                                                   |         |
| 19 | Trụ sở làm việc công an xã Hồng Thái Đông tại thôn Thượng Thông, xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều                    | UBND TX Đông Triều | QĐ số 322/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 (TX)     | 11.387          | 8.300   | 3.087    |                                  |            | 8.300 | 8.300                                                   |         |
| 20 | Trụ sở làm việc công an xã Thủy An tại thôn Vĩ Thủy, xã Thủy An, thị xã Đông Triều                                       | UBND TX Đông Triều | QĐ số 319/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 (TX)     | 11.047          | 7.600   | 3.447    |                                  |            | 7.600 | 7.600                                                   |         |
| 21 | Trụ sở làm việc công an xã Yên Đức tại thôn Đồn Sơn, xã Yên Đức, thị xã Đông Triều                                       | UBND TX Đông Triều | QĐ số 323/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 (TX)     | 11.625          | 9.000   | 2.625    |                                  |            | 9.000 | 9.000                                                   |         |